

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-ST
Ngày: 22-11-2019
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiếu;
2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:143/2019/TLST - DS ngày 28/8/2019 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2019/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70A ngày 05/11/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP H; địa chỉ: Số 198 T, phường H, quận K, thành phố Hà Nội; có ông Tô Ngọc A - Chức vụ: Giám đốc, Ngân Hàng TMCP H – Chi nhánh D đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 279/UQ-VCB-PC ngày 18/6/2018), ủy quyền lại cho ông ông Đoàn Nguyễn Huy Q – Chức vụ: Phó trưởng phòng khách hàng (Giấy ủy quyền số 43/UQ-CD-HCNS ngày 29/7/2019).

- Bị đơn: Bà Lư Thị Ngọc Th, sinh năm 1982;

Địa chỉ ĐKKHKT: Phòng số 28/5A, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

Địa chỉ tạm trú: Số 351, tổ 4, khóm T, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trường Trung học cơ sở Y, thành phố D, có ông Nguyễn Văn M – Chức vụ hiệu trưởng đại diện;

2. Công đoàn cơ sở Trường Trung học cơ sở J (nay là Trường THCS Y), thành phố D có bà Phùng Thị Cẩm L - chức vụ chủ tịch đại diện.

Các đương sự ông Q có mặt, bà Th, ông M, bà L vắng mặt (ông M, bà L có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 289/2015/VCB.CĐ-VG-200 ngày 09/6/2015 được ký giữa Ngân Hàng TMCP H – Chi nhánh D và bà Lu Thị Ngọc Th, ngân hàng cho bà Th vay 95.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ gốc và lãi hàng tháng.

Cùng ngày Trường trung học cơ sở Vĩnh Mỹ (Y) Trường trung học cơ sở Vĩnh Mỹ (nay là Y) ký Thỏa thuận hợp tác số 200/2015/VCB.CĐ về việc cho vay đối với cán bộ công nhân viên với Ngân Hàng TMCP H – Chi nhánh D với nội dung hàng tháng trước khi chi trả lương, trợ cấp và các khoản thu nhập hợp pháp khác cho bị đơn, trường trích toàn bộ số tiền trả nợ và nộp số tiền này cho ngân hàng theo bảng kê ngân hàng gửi cho trường, trường hợp bị đơn không thực hiện việc trả nợ đầy đủ thì trường sẽ trích tiền lương, trợ cấp, thu nhập khác của bị đơn để trả cho ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả vốn 69.652.000 đồng, còn lại vốn gốc 25.348.000 đồng. Ngày 14/01/2019, Trường trung học cơ sở Vĩnh Mỹ (Y) ban hành Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng làm việc số 10/QĐ-THCS.VM đối với bị đơn.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả vốn 25.348.000 đồng, tiền lãi 1.322.630 đồng (trong hạn 1.206.578 đồng, quá hạn 116.052 đồng) tính đến ngày 29/7/2019 và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tính từ ngày tiếp theo.

Theo biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày: Bà Th là giáo viên của trường, công tác trước năm 2010, đến ngày 01/02/2019 đã chấm dứt hợp đồng. Trước đây vào ngày 09/6/2015 đại diện cho trường và công đoàn ông và bà L có ký Tờ Thỏa thuận hợp tác với Ngân Hàng TMCP H – Chi nhánh D để bà Th vay tiền, thời gian đầu trường có thực hiện việc trích tiền lương của bà Th trả cho ngân hàng, một thời gian sau thì bà Th tự đi trả. Ông xác định có thông tin cho ngân hàng về việc trường chấm dứt hợp đồng lao động với bà Th; về chế độ bảo hiểm xã hội thì bà Th chưa nhận, chế độ nghỉ việc thì bà Th đã nhận xong. Ngoài ra, khi công tác

tại trường bà Th sống cùng mẹ chồng tại địa chỉ số 351, tổ 7, khóm Châu Thới 2, phường Châu Phú B, thành phố D, đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Phòng số 28/5A, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang. Ông xin vắng mặt khi tòa án triệu tập tham gia phiên đối chất, hòa giải, phiên tòa khi vụ án được đưa ra xét xử.

Theo biên bản ghi lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q bà Phùng Thị Cẩm L trình bày: Bà hiện đang công tác tại trường, vào năm 2015 bà Th có nhu cầu vay tiền tại ngân hàng, bà đại diện cho công đoàn cơ sở của trường cùng với hiệu trưởng ký thỏa thuận hợp tác như ngân hàng đã cung cấp. Trách nhiệm của chúng tôi chỉ cung cấp thông tin, chuyển tiền lương, thưởng, trợ cấp hàng tháng vào tài khoản tiền gởi của cán bộ, công nhân viên trường. Sau đó có quy định chúng tôi không được thực hiện tiếp nên bà Th tự mang tiền nộp trả cho ngân hàng, việc này ngân hàng có biết. Bà Th đã chấm dứt hợp đồng từ ngày 01/02/2019, các chế độ bà Th được nhận, cũng như địa chỉ nơi cư trú của bà Th đúng như ông M trình bày. Bà xác định bà và ông M không có nghĩa vụ gì trong quan hệ vay tiền giữa bà Th với ngân hàng, xin vắng mặt khi tòa án triệu tập tham gia phiên đối chất, hòa giải, phiên tòa khi vụ án được đưa ra xét xử.

Quá trình tố tụng, bị đơn không cung cấp lời khai, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Th vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Kết quả xác minh:

Ban khóm Châu Thới 2, phường Châu Phú B, thành phố D cho biết bà Th có sinh sống tại địa chỉ Số 351, tổ 4, khóm T, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang, bà Th không thường xuyên có mặt tại địa phương.

Ủy ban kiểm tra tỉnh An Giang cho biết bà Th và chồng Trần Thái H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phòng số 28/5A, khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang, đây là khu tập thể của đơn vị, riêng bà Th công tác tại Trường Trung học cơ sở Vĩnh Mỹ, thành phố D, thỉnh thoảng bà Th mới về sống cùng ông Hà. Hiện vợ chồng bà Th không còn ở đây.

Tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn yêu cầu bà Th trả cho ngân hàng vốn gốc 25.348.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 26/02/2019 đến ngày xét xử là 2.517.121 đồng và tiền lãi phát sinh của ngày tiếp theo với mức lãi suất thỏa thuận ghi nhận tại hợp đồng vay số 289/2015/VCB.CĐ.CĐ -200 ngày 09/6/2015 cho đến khi trả dứt nợ gốc. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu khác.

Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Về giải quyết vụ án, hợp đồng vay giữa Ngân hàng với bị đơn được ký kết trên cơ sở tự nguyện, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên, bị đơn ngưng trả vốn và lãi theo thỏa thuận từ ngày bị đơn nghỉ việc là có vi phạm nghĩa vụ nên ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Ngoài ra, đại diện và công đoàn Trường Trung học cơ sở Vĩnh Mỹ ký kết Thỏa thuận hợp tác với ngân hàng thực hiện việc trích chuyển tiền lương, thưởng, trợ cấp hàng tháng vào tài khoản tiền gửi của cán bộ, công nhân viên vay vốn tại ngân hàng để trả nợ được một thời gian thì ngưng, bị đơn tự thanh toán.

Xét thấy, ngân hàng yêu cầu bị đơn trả vốn gốc 25.348.000 đồng, tiền lãi 2.517.121 đồng và tiền lãi phát sinh của ngày tiếp theo với mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi trả dứt nợ gốc là phù hợp quy định tại các Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền:

Ngân Hàng TMCP H khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn; bị đơn tuy có địa chỉ ĐKKHTT tại Phòng số 28/5A, khóm M, phường Q, thành phố X, nhưng hợp đồng vay được ký kết tại thành phố D nơi có trụ sở của ngân hàng cũng là nơi làm việc, tạm trú của bà Th, ngoài ra các bên có thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc giải quyết tranh chấp . Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Hợp đồng cho vay cán bộ nhân viên số 289/2015/VCB.CĐ-CD ngày 09/6/2015 giữa nguyên đơn với bị đơn được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[2] Theo hợp đồng, ngân hàng cho bị đơn vay vốn 95.000.000 đồng, thỏa thuận trả nợ gốc mỗi kỳ 1.583.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 10,5%/năm vào ngày 26 hàng tháng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (ngày 10/3/2015). Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 01/02/2019 bị đơn chấm dứt hợp đồng làm việc với Trường Trung học cơ sở Vĩnh Mỹ (Y) và ngưng việc trả vốn và lãi cho ngân hàng là có vi phạm hợp đồng.

Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn lãi còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Bị đơn không cung cấp lời khai nhưng theo tài liệu nguyên đơn cung cấp thể hiện từ tháng 02/2019 bị đơn còn nợ vốn 25.348.000 đồng và tiền lãi là phù hợp với lời khai và thời gian nghỉ việc theo Quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc số 10/QĐ-THCS.VM ngày 14/01/2019 đối với bị đơn mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp.

Xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho ngân hàng vốn gốc là 25.348.000 đồng và tiền lãi 2.527.494 đồng (tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày xét xử).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

[3] Về án phí sơ thẩm, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 1.393.000 (một triệu ba trăm chín mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí, hoàn trả tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP H.

Buộc Lư Thị Ngọc Th có trách nhiệm trả cho Ngân Hàng TMCP H vốn gốc 25.348.000 đồng và tiền lãi 2.527.494 đồng (tính từ ngày 26/02/2019 đến ngày 22/11/2019), tổng cộng 27.875.494 (Hai mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi bốn) đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay”.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lư Thị Ngọc Th phải chịu 1.394.000 (một triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân Hàng TMCP H không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân Hàng TMCP H số tiền 667.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2017/0003297 ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc.

[3] Quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Bích Thủy